

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, NĂM 2026 - ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-ĐHTG ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Trường Đại học Tiền Giang)

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
I. KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ (309 sinh viên)												
1	022109021	Lê Nhật Tân	Nam	15-12-2004	Tiền Giang	DHCNKTXD22	9,1	9,2	9,0	8,6	9,0	Xuất sắc
2	022109027	Phạm Nguyễn Hoàng Hưng	Nam	08-12-2003	Bến Tre	DHCNKTXD22	7,0	6,8	8,0	8,9	7,7	Khá
3	022109029	Huỳnh Lộc Phát	Nam	10-09-2001	Tiền Giang	DHCNKTXD22	8,5	6,4	8,0	8,3	7,8	Khá
4	022146013	Nguyễn Lý Kiệt	Nam	13-09-2004	Tiền Giang	DHCNKTCDT22	8,1	6,2	8,0	8,9	7,8	Khá
5	025101001	Trương Hoàng Phúc	Nam	30-10-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	7,5	9,1	9,0	8,6	8,6	Giỏi
6	025101002	Lê Thị Thanh Trúc	Nữ	25-01-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	9,4	8,5	8,0	9,0	8,7	Giỏi
7	025101003	Trương Minh Thịnh	Nam	31-03-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,5	7,6	9,2	9,0	8,8	Giỏi
8	025101004	Nguyễn Ngọc Bảo Nhiên	Nữ	02-04-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,9	8,8	8,6	9,3	8,9	Giỏi
9	025101005	Phan Thanh Tiến	Nam	02-02-2006	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,2	9,4	8,5	8,7	9,0	Xuất sắc
10	025101006	Nguyễn Anh Kiệt	Nam	08-06-2003	Bến Tre	DHCNTT25A	8,7	8,7	8,6	7,4	8,4	Giỏi
11	025101007	Nguyễn Hoàng Quân	Nam	18-09-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,8	9,2	7,4	8,6	8,5	Giỏi
12	025101008	Dương Đỗ Hoàng Long	Nam	28-10-2004	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,9	9,2	7,4	8,6	8,5	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
13	025101009	Huỳnh Nhật	Tiến	Nam	29-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,9	7,7	7,4	8,3	8,1	Giỏi
14	025101011	Nguyễn Đình	Trí	Nam	18-04-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,2	8,7	7,4	8,6	8,2	Giỏi
15	025101012	Nguyễn Hữu	Thái	Nam	13-03-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,0	8,2	8,6	8,6	8,4	Giỏi
16	025101013	Đỗ Nguyên Phương	Vy	Nữ	24-10-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,6	8,2	8,4	8,9	8,5	Giỏi
17	025101014	Nguyễn Hữu Thạch	Thiên	Nam	21-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,0	8,5	8,0	7,9	8,1	Giỏi
18	025101015	Nguyễn Đỗ Khôi	Nguyên	Nam	02-06-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,0	9,2	8,6	8,6	8,9	Giỏi
19	025101016	Phan Tấn	Kha	Nam	03-03-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,5	9,2	8,6	8,9	9,1	Xuất sắc
20	025101017	Nguyễn Hữu	Kha	Nam	09-11-2002	Tiền Giang	DHCNTT25A	7,5	9,0	8,0	8,6	8,3	Giỏi
21	025101018	Nguyễn Văn	Phát	Nam	18-10-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,9	8,7	8,9	7,4	8,5	Giỏi
22	025101019	Nguyễn Minh	Hương	Nữ	27-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,8	9,4	9,5	8,6	9,1	Xuất sắc
23	025101020	Bùi Phú	Thọ	Nam	19-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,2	8,8	8,9	8,6	8,9	Giỏi
24	025101021	Trương Quốc	Thái	Nam	31-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,5	8,6	7,7	8,6	8,4	Giỏi
25	025101022	Nguyễn Hoàng	Huân	Nam	07-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,3	8,5	8,0	7,8	8,4	Giỏi
26	025101023	Trương Tiến	Phát	Nam	02-10-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,2	8,9	7,9	8,2	8,6	Giỏi
27	025101024	Bùi Phúc	Toàn	Nam	05-10-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	7,0	8,7	8,3	8,3	8,1	Giỏi
28	025101025	Trần Văn	Phúc	Nam	23-05-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	9,3	9,1	9,5	8,3	9,1	Xuất sắc
29	025101026	Văn Thiên	Phát	Nam	25-06-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	9,2	7,9	8,9	8,6	8,7	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
30	025101027	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	12-08-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	9,1	8,1	9,5	8,6	8,8	Giỏi
31	025101028	Lê Hoàng	Chiến	Nam	03-10-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	9,0	7,5	9,5	8,6	8,7	Giỏi
32	025101029	Võ Văn Vĩnh	Phúc	Nam	18-04-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,2	8,8	8,3	8,6	8,5	Giỏi
33	025101030	Nguyễn Minh	Vũ	Nam	22-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,0	8,4	8,3	7,4	8,0	Giỏi
34	025101031	Trương Tuyết	Như	Nữ	02-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	9,3	7,9	8,6	8,2	8,5	Giỏi
35	025101032	Lê Ứng Hoàng	Hiệp	Nam	28-10-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,2	8,4	8,9	8,6	8,5	Giỏi
36	025101033	Lê Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	20-06-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	8,8	8,9	7,3	7,0	8,0	Giỏi
37	025101034	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	19-12-2006	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,4	8,0	8,6	8,3	8,3	Giỏi
38	025101035	Lê Ngọc	Thiện	Nam	29-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	7,7	7,7	8,4	9,0	8,2	Giỏi
39	025101036	Đặng Quý	Lân	Nam	20-02-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,6	8,4	8,9	7,3	8,3	Giỏi
40	025101038	Nguyễn Trọng	Tín	Nam	18-08-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	8,6	9,5	8,0	7,8	8,5	Giỏi
41	025101040	Châu Văn	Nghiêm	Nam	08-04-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,2	8,7	8,3	7,4	8,2	Giỏi
42	025101041	Cao Nhựt	Tân	Nam	05-05-2006	Tiền Giang	DHCNTT25A	7,4	9,5	8,1	8,6	8,4	Giỏi
43	025101042	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	19-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,5	8,9	9,2	8,6	8,8	Giỏi
44	025101043	Võ Thanh	Thúy	Nữ	01-01-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	8,2	8,1	8,3	9,0	8,4	Giỏi
45	025101044	Lê Thị Mỹ	Quý	Nữ	19-11-2004	Đồng Tháp	DHCNTT25A	8,8	8,6	8,0	8,6	8,5	Giỏi
46	025101046	Trần Văn	Minh	Nam	09-06-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	8,2	8,9	7,4	8,6	8,3	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
47	025101047	Vũ Hoàng Ngọc Mai	Nữ	29-11-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25A	8,8	8,1	8,0	8,4	8,3	Giỏi
48	025101048	Nguyễn Gia Khương	Nam	26-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25A	8,9	9,0	7,7	7,4	8,3	Giỏi
49	025101049	Hồ Thanh Hậu	Nam	21-12-2005	Bến Tre	DHCNTT25A	7,7	7,9	8,3	7,4	7,8	Khá
50	025101050	Châu Văn Phong	Nam	04-08-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25A	8,7	8,6	8,9	8,9	8,8	Giỏi
51	025101052	Phan Nhựt An	Nam	22-12-2007	Bến Tre	DHCNTT25A	8,0	8,0	8,6	8,0	8,2	Giỏi
52	025101056	Châu Quốc Huy	Nam	22-04-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,5	8,3	9,0	9,0	8,7	Giỏi
53	025101057	Nguyễn Nhơn Hậu	Nam	01-01-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25B	8,7	8,7	9,6	9,0	9,0	Xuất sắc
54	025101058	Trần Khánh Duy	Nam	22-02-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,8	9,0	7,7	9,1	8,7	Giỏi
55	025101059	Hồ Thị Hồng Mai	Nữ	14-11-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,3	8,7	8,4	8,0	8,4	Giỏi
56	025101060	Trần Châu Đức	Nam	10-02-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25B	8,5	9,1	9,0	8,4	8,8	Giỏi
57	025101061	Nguyễn Đình Phong	Nam	27-11-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,1	9,0	9,0	9,0	8,8	Giỏi
58	025101063	Đỗ Phan Quốc Thái	Nam	28-06-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,6	8,0	9,6	9,3	8,9	Giỏi
59	025101064	Dương Thị Yến Nhi	Nữ	28-06-2007	Bến Tre	DHCNTT25B	8,1	8,5	8,1	7,5	8,1	Giỏi
60	025101065	Ung Minh Khang	Nam	22-04-2007	Vĩnh Long	DHCNTT25B	8,2	9,0	9,0	8,4	8,7	Giỏi
61	025101066	Nguyễn Minh Mẫn	Nam	19-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,1	9,1	7,8	9,0	8,5	Giỏi
62	025101067	Võ Nguyễn Khánh An	Nam	09-10-2007	Bến Tre	DHCNTT25B	8,7	9,0	8,4	9,0	8,8	Giỏi
63	025101068	Nguyễn Mẫn Đạt	Nam	05-04-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,3	9,2	7,4	8,4	8,6	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
64	025101069	Nguyễn Khắc Anh Duy	Nam	22-04-2007	Bến Tre	DHCNTT25B	8,2	8,3	8,3	8,3	8,3	Giỏi
65	025101070	Nguyễn Trung Kiên	Nam	27-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	7,8	8,9	8,3	7,8	8,2	Giỏi
66	025101071	Trần Dương Duy Lộc	Nam	23-03-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	7,5	8,0	8,4	8,0	8,0	Giỏi
67	025101072	Huỳnh Quang Thái	Nam	24-09-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,4	8,2	8,6	8,7	8,5	Giỏi
68	025101073	Đoàn Duy Tín	Nam	01-06-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,0	8,8	8,9	9,0	8,9	Giỏi
69	025101075	Nguyễn Sỹ Trần Phú	Nam	03-06-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,6	9,0	8,3	8,4	8,6	Giỏi
70	025101077	Võ Nguyên Khoa	Nam	12-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,6	9,4	9,5	9,0	9,1	Xuất sắc
71	025101078	Lê Hưng Phát	Nam	17-10-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25B	7,9	9,1	8,0	7,7	8,2	Giỏi
72	025101079	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	18-11-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,8	8,7	8,7	8,3	8,6	Giỏi
73	025101080	Trần Văn Phúc	Nam	16-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	7,7	8,1	9,0	8,6	8,4	Giỏi
74	025101081	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Nữ	15-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,0	9,2	8,0	8,3	8,6	Giỏi
75	025101083	Nguyễn Ngọc Minh Duy	Nam	14-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,2	8,4	7,4	8,9	8,2	Giỏi
76	025101084	Trần Vĩnh Nguyễn Quân	Nam	16-10-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,6	8,4	8,6	8,6	8,6	Giỏi
77	025101085	Lê Ngọc Anh Thư	Nữ	04-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,6	9,5	8,0	8,9	8,8	Giỏi
78	025101086	Phan Thị Yến Nhi	Nữ	07-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,1	9,2	8,0	8,3	8,7	Giỏi
79	025101087	Nguyễn Hoàng Mai Trân	Nữ	01-06-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,0	8,5	7,4	8,0	8,2	Giỏi
80	025101089	Ngô Huỳnh Thiên Bảo	Nam	18-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,1	8,0	8,6	9,6	8,8	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
81	025101090	Phạm Thị Kim Thoa	Nữ	10-04-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,6	9,0	9,2	8,9	8,9	Giỏi
82	025101092	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	10-10-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,0	9,2	8,0	8,9	8,5	Giỏi
83	025101093	Hồ Nguyễn Ngọc Phượng	Nữ	12-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	7,8	8,6	9,2	9,6	8,8	Giỏi
84	025101094	Trương Minh Lộc	Nam	13-07-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,4	8,3	8,0	8,3	8,3	Giỏi
85	025101095	Trần Nguyễn Phi Trường	Nam	24-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,2	8,5	8,0	8,3	8,3	Giỏi
86	025101096	Nguyễn Thị Ngọc An	Nữ	29-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,8	8,9	8,6	8,5	8,7	Giỏi
87	025101097	Bùi Quốc Đạt	Nam	20-07-2006	Đồng Tháp	DHCNTT25B	8,8	9,2	8,0	8,3	8,6	Giỏi
88	025101098	Lê Ngọc Hân	Nữ	19-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,3	9,0	8,0	8,6	8,5	Giỏi
89	025101100	Nguyễn Hoàng Ân	Nam	31-03-2007	Đồng Tháp	DHCNTT25B	8,4	8,5	7,7	8,3	8,2	Giỏi
90	025101102	Phạm Nguyễn Thành Trung	Nam	30-10-2007	Đồng Nai	DHCNTT25B	9,0	9,3	8,1	8,1	8,6	Giỏi
91	025101103	Võ Nam Anh	Nam	09-03-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	7,6	8,5	7,7	8,3	8,0	Giỏi
92	025101104	Lê Ngọc Chương	Nam	29-03-2007	Long An	DHCNTT25B	9,0	8,5	7,4	9,0	8,5	Giỏi
93	025101106	Ngô Thị Thanh Tuyền	Nữ	18-11-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,6	8,6	8,0	8,4	8,7	Giỏi
94	025101107	Lưu Ngọc Hạnh An	Nữ	06-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	9,2	8,8	8,3	8,3	8,7	Giỏi
95	025101108	Mai Mạnh Hùng	Nam	13-10-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25B	8,5	8,4	6,7	8,6	8,1	Giỏi
96	025101109	Nguyễn Thị Huyền Trân	Nữ	27-11-2007	Bến Tre	DHCNTT25B	9,3	8,5	8,0	8,4	8,6	Giỏi
97	025101110	Lê Thị Kim Tuyền	Nữ	18-06-2007	Tiền Giang	DHCNTT25B	8,9	7,9	8,0	8,4	8,3	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
98	025101111	Nguyễn Ngọc Hoài Linh	Nam	10-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,1	8,6	8,4	9,0	8,5	Giỏi
99	025101112	Phạm Tuấn Đức	Nam	26-05-2004	Bến Tre	DHCNTT25C	7,5	8,1	7,6	8,6	8,0	Giỏi
100	025101113	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	02-10-2007	Bến Tre	DHCNTT25C	7,6	8,8	7,7	8,3	8,1	Giỏi
101	025101114	Lê Hoàng Thiện	Nam	28-09-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	7,5	7,8	8,9	8,7	8,2	Giỏi
102	025101115	Hồ Hải Đăng	Nữ	21-09-2007	Bến Tre	DHCNTT25C	8,9	8,4	6,8	8,3	8,1	Giỏi
103	025101116	Trần Vũ Ân	Nam	20-10-2007	Bến Tre	DHCNTT25C	8,8	8,5	6,8	8,3	8,1	Giỏi
104	025101117	Nguyễn Hữu Trí	Nam	05-02-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,0	7,9	7,4	8,0	7,8	Khá
105	025101118	Lữ Phạm Hữu Tiến	Nam	16-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	7,9	8,2	7,4	8,7	8,1	Giỏi
106	025101119	Trần Tuấn Kiệt	Nam	10-02-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,6	8,0	9,2	9,0	8,7	Giỏi
107	025101121	Trần Thị Minh Quyên	Nữ	25-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	9,2	8,1	8,0	9,0	8,6	Giỏi
108	025101122	Lâm Chí Lượng	Nam	16-11-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,4	8,5	8,0	8,4	8,3	Giỏi
109	025101123	Nguyễn Anh Khôi	Nam	03-08-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,1	7,8	8,6	8,6	8,3	Giỏi
110	025101125	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	19-09-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	9,2	8,6	7,9	9,0	8,7	Giỏi
111	025101126	Nguyễn Minh Thành	Nam	05-10-2007	Kiên Giang	DHCNTT25C	7,2	7,7	8,6	7,9	7,9	Khá
112	025101127	Trần Minh Thuận	Nam	15-04-2005	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25C	8,8	8,6	7,1	8,3	8,2	Giỏi
113	025101128	Nguyễn Ngọc Trúc An	Nữ	12-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	9,1	9,1	7,4	9,5	8,8	Giỏi
114	025101129	Lê Phan Minh Trí	Nam	10-03-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,7	7,8	7,4	7,9	8,0	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
115	025101131	Nguyễn Minh	Kha	Nam	29-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	6,6	7,8	8,4	8,7	7,9	Khá
116	025101132	Trần Gia	Bảo	Nam	29-07-2007	Bến Tre	DHCNTT25C	8,7	8,2	7,4	8,3	8,2	Giỏi
117	025101133	Lê Duy	Khang	Nam	05-11-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	9,1	8,5	8,0	7,8	8,4	Giỏi
118	025101134	Trần Tuấn	Khang	Nam	22-09-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,9	7,9	8,4	8,3	8,4	Giỏi
119	025101135	Thái Ngọc	Tùng	Nam	08-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,6	8,4	8,0	7,6	8,2	Giỏi
120	025101136	Nguyễn Hữu	Văn	Nam	14-05-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,5	9,1	8,0	8,6	8,6	Giỏi
121	025101137	Nguyễn Gia	Huy	Nam	01-07-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNTT25C	8,6	8,7	8,0	7,6	8,2	Giỏi
122	025101140	Huỳnh Thị Gia	Hân	Nữ	17-01-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,7	9,1	8,0	8,9	8,7	Giỏi
123	025101143	Trần Ngọc Thảo	My	Nữ	13-05-2007	Đồng Tháp	DHCNTT25C	9,2	8,5	8,0	8,6	8,6	Giỏi
124	025101144	Đặng Nguyễn Nguyên	Khang	Nam	01-01-2007	Đồng Tháp	DHCNTT25C	8,8	8,9	8,0	7,8	8,4	Giỏi
125	025101145	Hà Nhật	Duy	Nam	24-07-2006	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,5	8,0	7,8	8,6	8,2	Giỏi
126	025101146	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	28-10-2006	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,6	7,9	7,4	7,1	7,8	Khá
127	025101148	Lê Hữu	Đạt	Nam	16-07-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	7,8	7,3	8,1	8,6	8,0	Giỏi
128	025101151	Nguyễn Quang	Huy	Nam	04-11-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	8,7	6,0	8,0	8,2	7,7	Khá
129	025101152	Phan Ngọc	Thiện	Nam	11-01-2007	Long An	DHCNTT25C	9,1	8,5	9,2	9,5	9,1	Xuất sắc
130	025101153	Trần Ngọc	Hiếu	Nam	05-12-2007	Tiền Giang	DHCNTT25C	7,9	8,7	7,7	7,9	8,1	Giỏi
131	025109001	Trần Chí	Đạt	Nam	20-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,5	8,2	7,8	8,5	8,3	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
132	025109002	Nguyễn Thành Phát	Nam	12-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,9	8,7	8,4	8,6	8,7	Giỏi
133	025109003	Trương Anh Kiệt	Nam	08-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	7,9	7,5	8,0	8,6	8,0	Giỏi
134	025109005	Võ Minh Thuận	Nam	03-07-2007	Cần Thơ	DHCNKTXD25	7,1	7,2	7,2	8,6	7,5	Khá
135	025109007	Phạm Khánh Hưng	Nam	23-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,6	8,1	9,0	8,0	8,4	Giỏi
136	025109009	Đoàn Ngọc Hiếu	Nam	29-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,2	9,0	9,6	7,9	8,7	Giỏi
137	025109011	Nguyễn Văn Tỹ	Nam	12-12-2007	Long An	DHCNKTXD25	8,7	9,0	9,0	8,6	8,8	Giỏi
138	025109012	Huỳnh Dĩ Khang	Nam	02-01-2006	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,4	8,5	8,3	8,6	8,5	Giỏi
139	025109013	Ngô Quang Bảo Phúc	Nam	03-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,1	8,9	8,0	8,0	8,3	Giỏi
140	025109014	Nguyễn Cao Minh Trung	Nam	18-07-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNKTXD25	8,1	8,5	7,1	8,0	7,9	Khá
141	025109015	Nguyễn Tấn Phát	Nam	26-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,4	8,2	8,3	8,6	8,4	Giỏi
142	025109016	Nguyễn Trần Minh Trọng	Nam	23-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	7,8	8,2	8,3	7,9	8,1	Giỏi
143	025109017	Nguyễn Nhật Thái	Nam	12-06-2007	Bến Tre	DHCNKTXD25	7,5	8,8	7,1	8,0	7,9	Khá
144	025109018	Phạm Trung Hiếu	Nam	21-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,5	8,0	7,7	8,0	8,1	Giỏi
145	025109019	Lê Nguyễn Hữu Bằng	Nam	21-10-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNKTXD25	8,8	8,5	7,7	8,6	8,4	Giỏi
146	025109020	Trần Minh Tín	Nam	08-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,0	8,1	7,6	8,0	7,9	Khá
147	025109021	Nguyễn Hoàng Hưng	Nam	28-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,2	8,2	8,6	9,0	8,5	Giỏi
148	025109022	Ngô Vũ Hoàng Phúc	Nam	14-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	7,8	9,0	8,3	8,0	8,3	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
149	025109024	Nguyễn Thế	Hiển	Nam	20-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	7,7	7,2	6,5	8,0	7,4	Khá
150	025109025	Phan Thanh	Nghĩa	Nam	18-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,1	7,7	7,7	8,0	7,9	Khá
151	025109026	Nguyễn Văn	Tiếp	Nam	10-04-1997	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,7	8,8	8,9	9,0	8,9	Giỏi
152	025109028	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	14-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,8	8,5	8,9	8,0	8,6	Giỏi
153	025109029	Huỳnh Trị	Đông	Nam	14-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,9	8,9	8,3	8,6	8,7	Giỏi
154	025109030	Nguyễn Trường Hoài	Nam	Nam	10-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,7	8,0	8,3	8,4	8,4	Giỏi
155	025109031	Nguyễn Hồng	Thắng	Nam	30-06-2006	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,3	8,0	7,7	8,0	8,0	Giỏi
156	025109032	Hồ Anh	Trọng	Nam	11-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,0	8,8	7,7	8,0	8,1	Giỏi
157	025109033	Nguyễn Thành	Luân	Nam	14-03-2006	Tiền Giang	DHCNKTXD25	8,3	8,3	7,7	7,8	8,0	Giỏi
158	025137001	Trần Chí	Bảo	Nam	27-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	7,6	8,6	7,4	8,4	8,0	Giỏi
159	025137002	Ngô Huỳnh Trường	Giang	Nam	03-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,1	6,8	7,4	7,3	7,4	Khá
160	025137003	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	12-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,9	9,0	8,3	7,7	8,5	Giỏi
161	025137004	Đặng Nhật	Trường	Nam	06-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,8	8,0	7,4	8,3	8,1	Giỏi
162	025137005	Phan Thế	Vinh	Nam	18-11-2007	Bến Tre	DHCNKTCK25A	8,0	8,3	8,0	8,9	8,3	Giỏi
163	025137006	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	21-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	7,5	8,9	7,4	8,6	8,1	Giỏi
164	025137007	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	20-09-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNKTCK25A	8,4	8,8	8,3	8,3	8,5	Giỏi
165	025137008	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	20-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,9	9,1	7,8	8,9	8,7	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
166	025137009	Đặng Ngọc Minh Khang	Nam	01-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	7,7	8,4	7,8	8,6	8,1	Giỏi
167	025137011	Đỗ Trần Đăng Khoa	Nam	22-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	9,1	9,1	8,0	8,4	8,7	Giỏi
168	025137012	Trương Tuấn Kiệt	Nam	06-05-2007	Đồng Tháp	DHCNKTCK25A	7,9	8,7	9,0	8,0	8,4	Giỏi
169	025137013	Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh	Nam	24-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	9,1	8,8	7,4	7,2	8,1	Giỏi
170	025137014	Nguyễn Đức Nhân	Nam	02-08-2007	Bến Tre	DHCNKTCK25A	8,8	8,6	7,9	8,3	8,4	Giỏi
171	025137015	Cao Duy	Nam	17-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	7,6	9,4	8,0	8,7	8,4	Giỏi
172	025137016	Đỗ Thanh Phong	Nam	26-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,8	8,4	8,6	8,9	8,7	Giỏi
173	025137017	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	14-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,2	8,2	8,0	8,3	8,2	Giỏi
174	025137018	Nguyễn Minh Nghĩa	Nam	04-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,5	8,9	7,4	7,8	8,2	Giỏi
175	025137019	Nguyễn Trần Quang Đại	Nam	14-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	9,0	9,5	7,4	8,6	8,6	Giỏi
176	025137021	Nguyễn Công Vinh	Nam	10-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,6	8,4	8,9	9,9	9,0	Xuất sắc
177	025137022	Lê Tấn Phát	Nam	08-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,7	8,4	7,8	8,9	8,5	Giỏi
178	025137023	Nguyễn Thê Kiệt	Nam	01-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,5	8,6	7,4	8,9	8,4	Giỏi
179	025137024	Nguyễn Hữu Phúc	Nam	08-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,8	9,2	9,0	9,5	9,1	Xuất sắc
180	025137025	Trương Kinh Quốc	Nam	05-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,9	8,1	8,0	8,9	8,5	Giỏi
181	025137026	Huỳnh Tấn Lộc	Nam	23-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,7	8,5	9,0	8,6	8,7	Giỏi
182	025137027	Nguyễn Trần Hoài An	Nam	06-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,4	8,5	9,0	8,0	8,5	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
183	025137028	Nguyễn Tường Duy	Nam	27-02-2006	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,4	9,2	9,0	8,0	8,7	Giỏi
184	025137029	Nguyễn Minh Sơn	Nam	25-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,7	8,7	8,0	7,8	8,3	Giỏi
185	025137031	Lê Hiếu Nghĩa	Nam	17-07-2006	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,1	8,4	7,4	8,0	8,0	Giỏi
186	025137032	Nguyễn Trường Vỹ	Nam	07-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,9	8,2	7,9	6,5	7,9	Khá
187	025137033	Trần Đan Huy	Nam	04-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,9	8,1	8,6	8,4	8,5	Giỏi
188	025137034	Nguyễn Trí Nguyên	Nam	13-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,0	9,0	7,7	8,4	8,3	Giỏi
189	025137035	Trương Phúc Toàn	Nam	01-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	7,6	8,6	8,9	9,0	8,5	Giỏi
190	025137036	Bùi Chí Bảo	Nam	26-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,5	8,6	8,0	9,0	8,5	Giỏi
191	025137037	Nguyễn Hữu Tấn	Nam	18-12-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,7	8,6	7,4	8,4	8,3	Giỏi
192	025137038	Trần Lâm Khang	Nam	13-12-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,7	8,4	7,8	8,3	8,3	Giỏi
193	025137039	Trần Văn Thuận	Nam	07-12-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,4	8,9	9,0	8,6	8,7	Giỏi
194	025137040	Trần Trung Nghĩa	Nam	12-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25A	8,9	7,4	9,0	8,3	8,4	Giỏi
195	025137041	Nguyễn Trần Thế Vĩ	Nam	26-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	6,9	8,8	7,7	8,4	8,0	Giỏi
196	025137042	Chế Văn Vẹn	Nam	26-06-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNKTCK25B	8,9	8,2	8,3	8,0	8,4	Giỏi
197	025137043	Văng Lê Minh Khôi	Nam	06-11-2007	Đồng Tháp	DHCNKTCK25B	8,4	8,0	8,9	8,4	8,4	Giỏi
198	025137044	Trần Khánh Duy	Nam	15-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,4	7,9	8,3	8,0	8,2	Giỏi
199	025137046	Nguyễn Gia Bảo	Nam	29-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,4	7,5	7,7	8,3	8,0	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
200	025137047	Lê Công Vinh	Nam	12-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,7	8,6	9,0	8,4	8,7	Giỏi
201	025137048	Trương Huỳnh Minh Duy	Nam	22-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,6	8,0	7,7	8,5	8,2	Giỏi
202	025137049	Trịnh Thanh Sơn	Nam	02-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,8	8,8	7,7	8,0	8,3	Giỏi
203	025137050	Nguyễn Cao Trí	Nam	17-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,2	8,1	7,7	8,5	8,1	Giỏi
204	025137051	Phạm Hữu Phúc	Nam	02-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,5	7,7	8,9	8,9	8,5	Giỏi
205	025137052	Lê Thành Quý	Nam	18-10-2007	An Giang	DHCNKTCK25B	8,2	7,5	8,3	8,4	8,1	Giỏi
206	025137053	Phan Đăng Khoa	Nam	06-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,8	8,0	8,9	9,1	8,7	Giỏi
207	025137054	Nguyễn Thành An	Nam	13-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,0	7,8	8,3	9,7	8,5	Giỏi
208	025137055	Mai Hoài Ân	Nam	15-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,4	8,2	8,9	9,3	8,7	Giỏi
209	025137056	Nguyễn Thanh Hiệp	Nam	19-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,3	8,2	8,9	9,0	8,6	Giỏi
210	025137057	Nguyễn Gia Thịnh	Nam	29-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,1	7,9	8,9	8,1	8,3	Giỏi
211	025137058	Trần Nhật Nguyên	Nam	25-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,8	8,9	8,3	7,7	8,4	Giỏi
212	025137059	Lê Tiến Thành	Nam	03-05-2007	Bến Tre	DHCNKTCK25B	8,9	8,6	8,3	8,6	8,6	Giỏi
213	025137061	Phạm Tánh Huy	Nam	13-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,6	8,3	8,9	8,9	8,7	Giỏi
214	025137062	Trần Nhật Trường	Nam	01-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	7,7	8,2	8,4	8,5	8,2	Giỏi
215	025137063	Nguyễn Thành Gia Phú	Nam	06-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,7	8,7	8,9	8,1	8,6	Giỏi
216	025137065	Nguyễn Nhân Sỹ	Nam	12-09-2006	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,5	8,5	8,3	8,3	8,4	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
217	025137066	Lê Thái	Toàn	Nam	07-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,1	7,9	8,9	8,3	8,3	Giỏi
218	025137067	Triệu Quốc	Khánh	Nam	02-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	7,1	9,0	8,9	8,0	8,3	Giỏi
219	025137068	Lê Nhật	Phong	Nam	24-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	7,4	7,8	8,9	8,9	8,3	Giỏi
220	025137070	Thái Gia	Vỹ	Nam	21-03-2007	Tây Ninh	DHCNKTCK25B	7,8	8,9	8,9	7,9	8,4	Giỏi
221	025137071	Nguyễn Minh	Tường	Nam	04-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,6	8,2	9,0	8,9	8,7	Giỏi
222	025137072	Phạm Nguyễn Duy	Khánh	Nam	11-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,5	8,0	8,5	8,6	8,4	Giỏi
223	025137073	Hồ Hữu	Tính	Nam	19-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,6	8,2	8,9	8,3	8,5	Giỏi
224	025137074	Lê Văn	Sỹ	Nam	05-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	7,5	8,4	8,9	8,1	8,2	Giỏi
225	025137076	Võ Phan Tuấn	Kiệt	Nam	08-07-2006	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	7,2	8,5	7,9	8,0	7,9	Khá
226	025137077	Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	03-12-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	7,2	8,4	7,7	8,3	7,9	Khá
227	025137079	Huỳnh Tấn	Ngọc	Nam	13-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTCK25B	8,3	8,6	8,9	8,9	8,7	Giỏi
228	025146001	Nguyễn Lê Anh	Huy	Nam	17-06-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	7,4	8,9	7,4	8,6	8,1	Giỏi
229	025146002	Lê Trần Hữu	Nhân	Nam	02-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,4	8,1	8,0	8,6	8,0	Giỏi
230	025146004	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	14-08-2006	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,4	8,4	8,0	7,9	7,9	Khá
231	025146005	Nguyễn Trần Minh	Khoa	Nam	26-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,9	7,8	8,6	8,0	8,1	Giỏi
232	025146006	Phạm Phúc	Lợi	Nam	01-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,9	7,7	7,4	8,0	7,8	Khá
233	025146007	Nguyễn Huỳnh Tiến	Phát	Nam	09-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,5	9,2	8,6	7,4	8,4	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
234	025146008	Trần Quang Huy	Nam	26-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,5	8,7	8,7	8,6	8,4	Giỏi
235	025146009	Đoàn Minh Tuấn	Nam	01-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,5	8,9	8,0	8,6	8,5	Giỏi
236	025146010	Nguyễn Văn Lý	Nam	12-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,4	6,9	8,0	8,6	7,7	Khá
237	025146011	Trần Quốc Huy	Nam	17-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,4	8,9	9,1	7,4	8,5	Giỏi
238	025146012	Trương Quốc An	Nam	05-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	6,3	8,1	7,4	8,0	7,5	Khá
239	025146013	Đỗ Thái Hoàng Long	Nam	13-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,1	8,8	8,1	7,4	8,1	Giỏi
240	025146014	Đỗ Duy Khang	Nam	26-11-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	8,5	8,3	7,4	9,3	8,4	Giỏi
241	025146015	Lê Chấn Khang	Nam	24-12-2007	Long An	DHCNKTCDT25	7,5	8,5	8,0	8,0	8,0	Giỏi
242	025146016	Nguyễn Thanh Ân	Nam	01-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	6,8	8,1	7,3	8,0	7,6	Khá
243	025146017	Nguyễn Hữu Nhân	Nam	04-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,5	7,5	8,6	7,4	7,8	Khá
244	025146018	Nguyễn Thanh Vũ	Nam	19-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,9	8,7	8,0	8,6	8,3	Giỏi
245	025146019	Nguyễn Văn Tường	Nam	13-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,0	8,6	7,9	8,0	8,1	Giỏi
246	025146020	Nguyễn Minh Khoa	Nam	28-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,8	8,4	8,0	8,0	8,3	Giỏi
247	025146022	Đỗ Hoàng Duy Thái	Nam	03-12-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNKTCDT25	8,6	8,3	8,0	8,0	8,2	Giỏi
248	025146023	Phan Minh Đức	Nam	27-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,1	8,6	8,0	8,6	8,3	Giỏi
249	025146024	Ngô Gia Hùng	Nam	09-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,9	8,5	8,0	8,0	8,1	Giỏi
250	025146025	Ngô Văn Chung	Nam	10-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,1	8,0	8,7	8,0	8,2	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
251	025146026	Nguyễn Tông	Hiền	Nam	27-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,4	8,8	7,4	7,3	8,0	Giỏi
252	025146027	Nguyễn Khắc	Lâm	Nam	22-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,0	8,8	8,0	7,9	8,2	Giỏi
253	025146028	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	30-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,4	8,2	7,3	8,0	7,7	Khá
254	025146029	Dương Lê	Tình	Nam	21-01-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	8,4	9,1	8,0	8,0	8,4	Giỏi
255	025146030	Trương Phước	An	Nam	09-05-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	8,3	9,1	7,2	9,0	8,4	Giỏi
256	025146031	Nguyễn Minh	Kha	Nam	03-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,7	7,9	7,4	8,0	7,8	Khá
257	025146032	Võ Chí	Hải	Nam	12-08-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	8,0	8,4	7,3	8,6	8,1	Giỏi
258	025146033	Trần Quang	Duy	Nam	07-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,2	9,3	8,0	8,6	8,5	Giỏi
259	025146034	Nguyễn Gia	Phát	Nam	18-03-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	8,0	8,9	8,9	8,6	8,6	Giỏi
260	025146035	Hồ Phạm Nhất	Trị	Nam	09-02-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	8,9	8,4	9,6	10,0	9,2	Xuất sắc
261	025146037	Bùi Thành	Phát	Nam	07-06-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	7,5	8,0	8,0	8,6	8,0	Giỏi
262	025146038	Huỳnh Lâm	Tiến	Nam	27-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,5	8,7	7,1	8,4	8,2	Giỏi
263	025146039	Nguyễn Đình	Trí	Nam	13-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	7,9	9,3	8,0	8,6	8,5	Giỏi
264	025146040	Võ Trung	Tuyền	Nam	21-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	9,1	8,5	7,4	8,6	8,4	Giỏi
265	025146041	Cao Hoàng	Phúc	Nam	09-11-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNKTCDT25	8,1	8,3	6,8	8,6	8,0	Giỏi
266	025146042	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	15-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,6	8,5	6,8	8,0	8,0	Giỏi
267	025146043	Trương Vĩnh	Phát	Nam	21-02-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,5	8,6	7,4	8,0	8,1	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
268	025146044	Nguyễn Tấn Giàu	Nam	23-05-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	9,2	8,6	8,4	8,9	8,8	Giỏi
269	025146045	Đỗ Nguyễn Minh Khuê	Nam	30-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,4	8,3	6,2	8,0	7,7	Khá
270	025146046	Nguyễn Minh Triết	Nam	14-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,1	8,7	7,4	8,6	8,2	Giỏi
271	025146047	Lê Hoàng Anh Duy	Nam	24-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,5	9,0	8,3	9,0	8,7	Giỏi
272	025146048	Nguyễn Ngọc Ngà	Nam	23-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,2	9,3	8,0	8,5	8,5	Giỏi
273	025146049	Phan Hoàng Kha	Nam	27-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTCDT25	8,4	8,6	8,1	8,0	8,3	Giỏi
274	025146051	Nguyễn Thanh Dương	Nam	14-12-2007	Bến Tre	DHCNKTCDT25	7,9	9,4	6,8	7,6	7,9	Khá
275	025147002	Nguyễn Minh Vinh	Nam	22-08-2007	Bến Tre	DHCNKTDKTDH25	8,8	8,9	8,3	8,4	8,6	Giỏi
276	025147004	Phan Duy Phúc	Nam	19-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,4	9,3	7,7	7,9	8,3	Giỏi
277	025147005	Nguyễn Gia Hào	Nam	26-08-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,9	9,0	8,1	10,0	9,0	Xuất sắc
278	025147006	Võ Nhựt Tân	Nam	12-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,4	9,6	6,7	8,6	8,3	Giỏi
279	025147008	Nguyễn Tấn Phát	Nam	24-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,7	9,1	7,7	8,4	8,5	Giỏi
280	025147009	Trương Minh Trọng	Nam	20-05-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,7	9,3	8,6	8,4	8,8	Giỏi
281	025147010	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	07-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,5	9,2	8,2	8,0	8,5	Giỏi
282	025147011	Nguyễn Hữu Kha	Nam	19-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,4	9,0	8,0	8,1	8,4	Giỏi
283	025147012	Đỗ Duy Khang	Nam	20-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,1	9,4	8,0	8,9	8,6	Giỏi
284	025147013	Nguyễn Phước Lộc	Nam	12-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,0	9,4	7,7	8,0	8,3	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
285	025147014	Phùng Hoàng Bảo	Nam	12-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,8	9,3	7,4	8,5	8,5	Giỏi
286	025147015	Phạm Anh Kiệt	Nam	02-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,4	9,3	7,4	8,9	8,5	Giỏi
287	025147016	Phan Tuấn Kiệt	Nam	07-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,2	9,4	8,3	9,7	8,9	Giỏi
288	025147017	Nguyễn Ngọc Triết	Nam	31-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,3	9,3	8,9	9,1	8,9	Giỏi
289	025147018	Trần Chí Dũng	Nam	05-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,5	9,1	7,7	8,0	8,3	Giỏi
290	025147019	Trịnh Hoàng Phúc	Nam	17-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,5	8,7	8,9	10,0	9,0	Xuất sắc
291	025147020	Phan Thành Tiến	Nam	14-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,5	9,0	7,7	8,4	8,4	Giỏi
292	025147021	Lê Trung Nghĩa	Nam	13-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,2	9,2	8,3	8,6	8,6	Giỏi
293	025147022	Huỳnh Thanh Trung	Nam	04-12-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,9	8,7	8,9	9,4	9,0	Xuất sắc
294	025147024	Thái Nguyễn Thiên Long	Nam	13-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	7,6	8,7	8,3	9,0	8,4	Giỏi
295	025147026	Trần Quang Trường Quý	Nam	17-10-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	7,9	8,3	8,3	8,4	8,2	Giỏi
296	025147028	Nguyễn Thiện Tân	Nam	07-06-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,9	9,3	7,7	8,0	8,5	Giỏi
297	025147029	Dương Võ Hoàng Thái	Nam	19-12-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,2	8,7	7,5	8,4	8,2	Giỏi
298	025147030	Nguyễn Hữu Tín	Nam	16-11-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,6	9,2	7,4	7,4	8,2	Giỏi
299	025147031	Huỳnh Ngọc Phát	Nam	09-07-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,4	8,7	7,7	8,0	8,2	Giỏi
300	025147032	Nguyễn Huy Nam	Nam	06-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	7,8	8,5	8,3	8,0	8,2	Giỏi
301	025147033	Nguyễn Trọng Tín	Nam	14-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,6	9,1	8,3	8,4	8,6	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm GDQP I	Điểm GDQP II	Điểm GDQP III	Điểm GDQP IV	ĐTB	Xếp loại
302	025147034	Trịnh Lê Gia Bảo	Nam	07-04-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,9	8,9	8,3	8,0	8,5	Giỏi
303	025147035	Trịnh Quốc Văn	Nam	15-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,7	9,1	7,7	8,4	8,5	Giỏi
304	025147036	Phạm Khánh Duy	Nam	14-03-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,4	9,3	7,7	8,4	8,5	Giỏi
305	025147038	Nguyễn Thanh Bình	Nam	01-10-2007	Long An	DHCNKTDKTDH25	7,7	8,9	8,9	9,0	8,6	Giỏi
306	025147039	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	09-01-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,8	9,4	8,3	9,0	8,9	Giỏi
307	025147040	Nguyễn Minh Thành	Nam	25-09-2007	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	8,9	9,5	8,9	9,6	9,2	Xuất sắc
308	025147041	Trương Võ Nhật Kha	Nam	18-09-2007	TP. Hồ Chí Minh	DHCNKTDKTDH25	9,0	8,5	8,3	8,9	8,7	Giỏi
309	025147042	Phạm Minh Trí	Nam	10-05-2006	Tiền Giang	DHCNKTDKTDH25	7,8	9,1	8,3	8,4	8,4	Giỏi

II. KHOA SƯ PHẠM VÀ KHOA HỌC CƠ BẢN (01 sinh viên)

1	021151028	Lê Nguyễn Quang Minh	Nam	05-01-2003	Tiền Giang	DHVHH21	4,1	7,8	7,3	7,8	6,8	Trung bình khá
---	-----------	----------------------	-----	------------	------------	---------	-----	-----	-----	-----	------------	----------------

Danh sách có 310 sinh viên./.